TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 20- 9 - 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Xuân Sơn**

  Bà **Nguyễn Thị Chiểu**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Hoàng Thị Hải Uyến**, Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 5, hẻm 38, ngách 14, ngõ 348, đường Phú Thịnh, phường PT, thị xã ST, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Khuất Văn T***,* sinh năm 1988; vắng mặt

Địa chỉ: Cụm 11, xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn cùng anh Khuất Văn T là người ở xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 18/12/2009, trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã SC, huyện PT. Sau khi cưới chị về sống chung cùng anh T và gia đình, được khoảng 2 năm thì bố mẹ anh T cho vợ chồng chị ăn riêng nhưng ở chung nhà cùng gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do chị có thai nhưng chửa ngoài tử cung nên phải mổ cấp cứu, trong thời gian chị nằm viện anh T không quan tâm chăm sóc chị nên từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Sau lần đó vợ chồng chị thường xảy ra bất đồng quan điểm sống và cãi nhau, đã

nhiều lần anh T đánh chị vô cớ không biết lý do gì. Do sức khỏe của chị yếu lại không còn tình cảm với anh T nên chị về nhà mẹ đẻ ở. Anh T cũng đã nhiều lần gọi điện và lên nhà mẹ đẻ chị để bảo chị về nhưng chị kiên quyết không về thì anh T dọa dẫm chị. Ngày 17 tháng 6 năm 2018, chị về nhà anh T để nói chuyện với bố, mẹ anh T và anh T về việc chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa, ngay lúc đó anh T đã dùng tay đấm vào mồm chị làm chảy máu, trước sự chứng kiến của gia đình anh T. Kể từ đó đến nay chị không về sống chung cùng anh T nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Khuất Lan A, sinh ngày 20/7/2010. Hiện nay, cháu Lan A đang sống chung cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ: Chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018 của anh Khuất Văn T. Anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L là người ở phường PT, thị xã ST tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện PT. Sau khi cưới chị L về sống chung cùng anh và gia đình tại Cụm 11, xã SC, huyện PT được khoảng 3 năm thì vợ chồng anh xin ra ăn riêng. Quá trình sống chung vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì, cách đây khoảng một tháng thì anh biết việc chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh và chị L đã xảy ra cãi nhau, sau đó chị L tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì anh chấp nhận và tha thứ cho những việc làm sai trái của chị L để vợ chồng đoàn tụ sống cùng nhau nuôi dạy con cái lớn khôn. Nếu chị L cố tình ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L khai: Quá trình giải quyết tại Tòa án do ngại nên chị không trình bày, nguyên nhân chính dẫn đến việc mâu thuẫn vợ chồng là do sức khỏe của chị yếu, không đáp ứng được nhu cầu sinh lý của của anh T, từ đó vợ chồng chị thường xảy ra cãi nhau và đây là nguyên nhân mà nhiều lần chị bị anh T tìm cách gây sự và đánh chị. Do chị không còn tình cảm với anh T và không muốn sống chung cùng anh T nên việc anh T cho rằng chị quan hệ ngoại tình thì chị đã nhận mục đích để anh T đồng ý ly hôn chị. Vì vậy, chị tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn anh T để chị yên tâm làm ăn, ổn định cuộc sống. Về con chung, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức và nợ chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị L và anh Khuất Văn T được ly hôn. Về con chung giao cháu Khuất Lan A, sinh ngày 20/7/2010 cho chị L nuôi. Chấp nhận đề nghị của chị L không yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Khuất Văn T, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần thứ hai) ngày 30/8/2018, anh T vắng mặt nên Toà án không tiếp tục hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, mặc dù anh Khuất Văn T đã được giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Khuất Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Khuát Văn Thêm kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 18/12/2009. Quá trình sống chung, chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không đồng cảm chia sẻ cùng nhau dẫn đến bất đồng về quan điểm sống và không tin tưởng nhau nên có lần anh T đánh chị L bị chảy máu mồm trước mặt bố mẹ anh T. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay chị L và anh T sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa.

Theo bà Kiều Thị T là mẹ đẻ anh Khuất Văn T cho biết: Tháng 5 năm 2018 vợ chồng chị L và anh T xẩy ra mâu thuẫn do chị L nhận có quan hệ ngoại tình nên anh T đã tát vào mặt chị L làm chảy máu ở môi, vì vậy chị L về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay không về sống chung cùng anh T nữa.

Cũng theo lời khai của cháu Khuất Lan A là con chung của anh T và chị L cho biết: "Có lần vào buổi tối bố cháu cầm dao đến nơi mẹ con cháu ở để tìm mẹ cháu, do sợ nên mẹ cháu phải đi trốn nên bố cháu không gặp được mẹ cháu".

Xác minh tại UBND xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội, được biết: Năm 2009, anh Khuất Văn T kết hôn cùng chị Nguyễn Thị L và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã SC, huyện PT. Sau khi cưới chị L về sống chung cùng anh T và gia đình tại Cụm 11, xã SC, huyện PT. Quá trình sống chung vợ chồng anh Lăng chị Thêm mâu thuẫn như thế nào, địa phương không biết. Thực tế, hiện nay không thấy chị L sinh sống cùng anh T nữa.

Không những thế, anh T cũng có ý kiến mặc dù anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị L cố tình xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Khuất Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Khuất Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Khuất Văn T có 01 con chung là Khuất Lan A, sinh ngày 20/7/2010. Hiện nay,cháu Lan A đang sống chung cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của cháu Khuất Lan A được sống chung cùng chị L nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Khuất Lan A cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Anh Khuất Văn T khai không có, chị Nguyễn Thị L khai không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Chị L và anh T đều xác định không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Khuất Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Khuất Lan A, sinh ngày 20/7/2010 cho chị Nguyễn Thị L nuôi đến khi cháu Khuất Lan A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Khuất Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Khuất Văn T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Khuất Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Anh T khai không có, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ: Chị L và anh T đều xác định không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005306 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Khuất Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện PT;*
- *THADS huyện PT;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phỳc Thọ;*
- *THADS huyện Phỳc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phỏn- Chủ toạ phiờn toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIấN TềA**